

# VỀ GIẢM TRỪ GIA CẢNH TRONG LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN NHÌN TỪ GÓC ĐỘ BÌNH ĐẲNG GIỚI

ThS. NGUYỄN THỊ LAN \*

Luật thuế thu nhập cá nhân đã được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực ngày 1/1/2009. Trong thời gian qua, đạo luật này đã nhận được sự quan tâm của đông đảo quần chúng nhân dân trong cả nước. Việc ban hành Luật thuế thu nhập cá nhân trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay là cần thiết nhằm đảm bảo thực hiện tốt việc quản lí thu nhập của nhân dân, phân phối lại thu nhập, thực hiện công bằng xã hội. Mặt khác, việc ban hành Luật thuế thu nhập cá nhân sẽ góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm cho mỗi người dân trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, từ đó, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Luật thuế thu nhập cá nhân có thể được nhìn nhận từ nhiều góc độ khác nhau. Dưới góc độ bình đẳng giới, chúng tôi muốn đề cập vấn đề giảm trừ gia cảnh - một trong những vấn đề quan trọng của Luật thuế thu nhập cá nhân.

Nhìn từ góc độ bình đẳng giới, việc giảm trừ gia cảnh trước tiên phải đảm bảo sự công bằng giữa nam và nữ với tư cách là cá nhân có thu nhập chịu thuế, cũng như đảm bảo sự thụ hưởng ngang nhau về thành quả lao động của mình hay của người khác có liên quan. Mặt khác, việc giảm trừ gia cảnh phải tính đến việc ưu tiên người phụ

nữ với tư cách là người mẹ và là người có thu nhập chịu thuế trong những trường hợp đặc biệt, điều này không bị coi là phân biệt đối xử về giới. Đảm bảo được hai tiêu chí trên việc giảm trừ gia cảnh mới tạo điều kiện và cơ hội cho nam, nữ phát huy được khả năng của mình, cống hiến hơn cho gia đình và xã hội. Khi đạt được các tiêu chí trên, vấn đề giảm trừ gia cảnh nói riêng và Luật thuế thu nhập nói chung sẽ đảm bảo được sự lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật.

Luật thuế thu nhập cá nhân quy định về việc cá nhân phải có thu nhập vượt quá “ngưỡng” nhất định thì mới phải nộp thuế. Tức là, thu nhập của một người sau khi được giảm trừ gia cảnh thì mới bị tính thuế thu nhập cá nhân.

Điều 19 Luật thuế thu nhập cá nhân quy định:

*“1. Giảm trừ gia cảnh là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú. Giảm gia cảnh gồm hai phần sau đây:*

- a, Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm);*
- b, Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ*

\* Giảng viên Khoa luật dân sự Trường Đại học Luật Hà Nội

thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng;

2. Việc xác định mức giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc thực hiện theo nguyên tắc mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào đối tượng nộp thuế;

3. Người phụ thuộc là người mà đối tượng nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng, bao gồm:

a, Con chưa thành niên, con bị tàn tật, không có khả năng lao động;

b, Các cá nhân không có thu nhập hoặc có thu nhập không vượt quá mức quy định, bao gồm con thành niên đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề; vợ hoặc chồng không có khả năng lao động, bố mẹ đã hết tuổi lao động hoặc không có khả năng lao động; những người khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng;

Chính phủ quy định mức thu nhập, kê khai để xác định người phụ thuộc được tính giảm trừ gia cảnh”.

Có thể thấy rằng vấn đề giảm trừ gia cảnh mà Luật thuế thu nhập cá nhân quy định là tương đối rõ ràng và cụ thể. Quy định này, về cơ bản, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, đảm bảo được sự bình đẳng trong gia đình và sự công bằng xã hội.

Dưới góc độ bình đẳng giới, chúng tôi muốn bàn tới một số vấn đề xung quanh quy định về giảm trừ gia cảnh:

Thứ nhất, diện những người phụ thuộc của đối tượng nộp thuế là những người mà đối tượng nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ nuôi dưỡng được đặt ra giữa những người có quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi con nuôi, đó là quan hệ giữa cha mẹ

đẻ và con đẻ, cha mẹ nuôi và con nuôi, giữa ông bà và cháu, giữa anh chị em với nhau và trường hợp đặc biệt là quan hệ giữa bố dượng, mẹ kế với con riêng. Điều 19 Luật thuế thu nhập cá nhân đã bao quát được tất cả diện, các chủ thể trong quan hệ nuôi dưỡng. Đặc biệt, theo quy định này thì có chủ thể không thuộc trường hợp được nuôi dưỡng nhưng vẫn thuộc diện những người phụ thuộc đó là vợ hoặc chồng không có khả năng lao động; những người khác không nơi nương tựa. Quy định này là phù hợp trong điều kiện kinh tế xã hội hiện nay. Đây là quy định thể hiện rất rõ sự bình đẳng giới.

+ Nghĩa vụ nuôi dưỡng không đặt ra giữa vợ và chồng, không đặt ra giữa các thành viên khác trong gia đình. Trong quan hệ giữa vợ và chồng, pháp luật hôn nhân và gia đình chỉ đặt ra quyền và nghĩa vụ về nhân thân là vợ chồng chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc không đặt ra nghĩa vụ nuôi dưỡng giữa vợ và chồng là bởi vì nhà làm luật cho rằng giữa vợ và chồng đã tồn tại sở hữu chung hợp nhất đối với những loại tài sản có được trong thời kì hôn nhân. Vợ, chồng có thể dùng tài sản chung để chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau... Trong thực tế đời sống xã hội, nếu một bên vợ chồng bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng lao động, không có thu nhập thì người chồng, vợ còn lại đương nhiên là người phải chịu trách nhiệm về tài sản chính trong gia đình. Thực tế là họ phải “nuôi” vợ, chồng của mình. Trách nhiệm về tài sản này lại càng cần thiết hơn khi vợ, chồng chia tài sản chung trong thời kì hôn nhân, giữa hai bên vợ chồng không còn tài

sản chung nữa. Vì vậy, khi vợ hoặc chồng là đối tượng nộp thuế thì người vợ, người chồng của họ đang ốm đau, bệnh tật được coi là người phụ thuộc để được giảm trừ trước khi tính thuế. Điều đó là hoàn toàn phù hợp và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể.

+ Những người khác không nơi nương tựa có thể là những chủ thể có quan hệ họ hàng khác như quan hệ giữa các thành viên khác trong gia đình. Đối với quan hệ giữa các thành viên khác trong gia đình như quan hệ giữa cô, dì, chú, bác và cháu cũng không có nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau. Nhưng trong thực tế, khi cháu ruột của mình không còn cha mẹ, anh chị em, ông bà nội ngoại thì thông thường cô, dì, chú, bác là người nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Ngược lại, nếu cô, dì, chú, bác không có vợ, chồng, không có con, không có cha mẹ, không có anh chị em, ông bà thì cháu ruột cũng chính là người đứng ra chăm sóc, nuôi dưỡng họ. Vì vậy, khi một trong hai bên là đối tượng nộp thuế thì người kia được coi là người phụ thuộc của họ là hoàn toàn phù hợp.

+ Đối với con đã thành niên đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và học nghề mà không có điều kiện lao động và không có tài sản để tự nuôi mình được coi là người phụ thuộc của đối tượng nộp thuế là rất phù hợp. Điều này xuất phát vì tương lai cho thế hệ trẻ, cũng như đảm bảo sự công bằng xã hội. Đây là loại chủ thể phổ biến trong xã hội hiện nay. Về nguyên tắc, con thành niên thì cha mẹ không có nghĩa vụ nuôi dưỡng hoặc cấp dưỡng. Tuy nhiên, hầu hết các gia đình hiện nay vẫn phải chu cấp

toàn bộ chi phí cho người con đang học đại học... mặc dù con đã thành niên.

Tuy nhiên, Điều 19 Luật thuế thu nhập cá nhân đồng nhất tất cả các chủ thể trong quan hệ cha mẹ và con, vợ và chồng, ông bà và cháu... đều là người mà đối tượng nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng là chưa hoàn toàn phù hợp. Pháp luật về thuế thu nhập cá nhân cần phải hướng dẫn để phân biệt rõ diện những người mà đối tượng nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng, những người mà đối tượng nộp thuế không có nghĩa vụ nuôi dưỡng nhưng đối tượng nộp thuế là người chịu trách nhiệm về tài chính trong thực tế.

*Thứ hai*, Luật thuế thu nhập cá nhân chỉ quy định diện những người phụ thuộc chỉ là những chủ thể mà đối tượng nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng là chưa đầy đủ. Theo quan điểm của chúng tôi, diện những người phụ thuộc cần được mở rộng thêm đối với những chủ thể mà đối tượng nộp thuế có nghĩa vụ cấp dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng cũng được đặt ra giữa những chủ thể có quan hệ hôn nhân, huyết thống và nuôi dưỡng. Đó là, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi li hôn, của cha mẹ đối với con khi cha mẹ li hôn, của con đối với cha mẹ, giữa anh chị em với nhau, giữa ông bà đối với cháu hoặc khi một người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc quyết định là cha, mẹ của một người, nếu họ không sống cùng nhau cũng phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Việc giảm trừ thu nhập của đối tượng nộp thuế trước khi tính thuế thu nhập của đối tượng nộp thuế trong những trường hợp này là cần thiết.

*Thứ ba*, trong trường hợp đối tượng nộp

thuế là người phụ nữ đơn thân, nuôi con một mình thì luật thuế thu nhập cần coi đây là trường hợp đặc biệt khi tính giảm trừ gia cảnh. Bởi lẽ, khi người phụ nữ đơn thân chấp nhận việc một mình sinh con và một mình nuôi con, họ phải chịu rất nhiều áp lực. Xét về mặt tài chính, một mình họ phải lo toàn bộ cho những nhu cầu và lợi ích của đứa con. Có thể, vì một lí do nào đó, họ không xác định cha cho đứa con của mình hoặc họ không đủ chứng cứ để xác định cha cho con của mình hoặc tự họ quyết định sinh con theo phương pháp khoa học thì họ sẽ phải đương nhiên một mình nuôi dạy con mà không có quyền yêu cầu xác định cha cho đứa con của mình. Họ khác với người vợ trong quan hệ hôn nhân hợp pháp là được chia sẻ với chồng mình về trách nhiệm tài chính đối với đứa con. Trong quan hệ hôn nhân hợp pháp, giữa vợ và chồng sẽ có ít nhất một người được giảm trừ gia cảnh vì có con là người phụ thuộc. Người còn lại cho dù thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân, không được giảm trừ đối với người phụ thuộc thì họ vẫn có thu nhập để chia sẻ gánh nặng tài chính với chồng hoặc vợ mình để đảm bảo nhu cầu và lợi ích của đứa con, vì trách nhiệm đối với đứa con luôn là trách nhiệm chung của hai vợ chồng. Còn đối với người phụ nữ đơn thân họ không chỉ đảm nhận tư cách người mẹ mà còn đảm nhận tư cách người cha. Điều đó sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả công việc, ảnh hưởng đến thời gian làm việc và thu nhập hàng tháng của họ. Cho dù họ thuộc diện được giảm trừ gia cảnh thì gánh nặng tài chính đối với đứa con sẽ thuộc

về một mình họ. Vì vậy, theo quan điểm của chúng tôi, đối với người phụ nữ đơn thân phải nuôi con một mình, nếu họ thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập thì nên giảm trừ thu nhập cho 1 đứa con của họ gấp hai lần so với những đối tượng thông thường khác. Như vậy, mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng nhưng đối với người mẹ là người phụ nữ độc thân sẽ được tính giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là con đẻ là 3,2 triệu đồng/tháng. Điều này phù hợp với nguyên tắc chung của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, đó là nguyên tắc "*bảo vệ bà mẹ và trẻ em, Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để người phụ nữ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ*" (Điều 2). Ngoài ra còn đảm bảo nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới được quy định trong Luật bình đẳng giới (2006), đó là nguyên tắc: "*Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới; chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới; bảo đảm lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật...*" (Điều 6). Trong trường hợp này, cho dù ngân sách nhà nước có giảm sút đi một chút thì cũng không ảnh hưởng gì mà coi như Nhà nước chung sức với gia đình bỏ thêm một phần vốn đầu tư cho con trẻ, cho giáo dục, vì thế hệ tương lai của đất nước. Đó là cách đầu tư giáo dục an toàn và hiệu quả nhất.

*Thứ tư*, việc tính giảm trừ đối với người phụ thuộc thực hiện theo các nguyên tắc được quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật thuế thu nhập cá nhân cũng cần bàn thêm:

+ Trong hôn nhân hợp pháp, nếu cả hai vợ chồng đều có thu nhập chịu thuế thì giữa vợ và chồng có thể thoả thuận để một người đăng kí giảm trừ đối với người phụ thuộc là các con của họ. Vì tài sản giữa vợ và chồng là tài sản chung hợp nhất, thu nhập của mỗi bên vợ, chồng, về nguyên tắc đều thuộc khối tài sản chung hợp nhất đó. Cho nên, việc vợ hoặc chồng được giảm trừ hay không được giảm trừ đối với người phụ thuộc không làm thay đổi tổng thu nhập của vợ, chồng và cũng không ảnh hưởng gì đến quyền bình đẳng giữa vợ và chồng. Hoặc chỉ vợ hoặc chồng là người có thu nhập chịu thuế thì người có thu nhập chịu thuế sẽ được tính giảm trừ đối với người phụ thuộc là hai xuất vì có hai con chung.

Tuy nhiên, nếu vợ chồng đã chia toàn bộ tài sản chung trong thời kì hôn nhân thì vợ và chồng sẽ phải gánh chịu hậu quả từ việc chia tài sản chung đó mang lại. Tức là, những thu nhập của mỗi bên sau khi chia tài sản chung trong thời kì hôn nhân lại là tài sản riêng của mỗi bên vợ chồng. Trong trường hợp này, nếu vợ chồng đều có thu nhập chịu thuế và vợ chồng cũng thoả thuận và quyết định lựa chọn một trong hai người được giảm trừ đối với người phụ thuộc là con chung của họ thì đương nhiên không có vấn đề gì đáng bàn cãi. Nhưng nếu hai vợ chồng không thoả thuận, ai cũng muốn được giảm trừ đối với người phụ thuộc thì đây là một vấn đề cần bàn tới. Nếu một cặp vợ chồng có hai con chung thì mỗi người sẽ được tính giảm trừ đối với 1 người phụ thuộc theo nguyên tắc “mỗi người phụ thuộc được

tính giảm trừ một lần vào một đối tượng nộp thuế”. Nếu họ chỉ có một con chung thì cần xác định mỗi người đều được 1/2 mức giảm trừ đối với 1 người phụ thuộc là 1 đứa con chung. Và như vậy cũng không trái với nguyên tắc “mỗi người phụ thuộc được tính một lần”. Trường hợp này cũng nên áp dụng khi vợ chồng li hôn mà con chung do một bên trực tiếp nuôi dưỡng và một bên cấp dưỡng cho con; trường hợp mà pháp luật hôn nhân và gia đình quy định nhiều người có nghĩa vụ nuôi dưỡng cho một người, nhiều người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho một người. Cách tính mức giảm trừ đối với người phụ thuộc sẽ được tính như sau: Lấy tổng mức giảm trừ cho người phụ thuộc chia cho tổng số người có thu nhập chịu thuế phải nuôi dưỡng hoặc cấp dưỡng cho người đó. Vì vậy, văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân cần quy định cụ thể về nguyên tắc này cho phù hợp theo hướng: Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một đối tượng nộp thuế. Trong trường hợp nhiều người có thu nhập chịu thuế cùng có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho người khác hoặc chịu trách nhiệm về tài chính cho người khác thì việc tính giảm trừ đối với người phụ thuộc vào thu nhập chịu thuế của người nào là do những người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng, chăm sóc tự thoả thuận. Nếu không thoả thuận được thì mỗi người có thu nhập chịu thuế được giảm trừ đối với người phụ thuộc theo tỉ lệ chia đều cho những người có thu nhập chịu thuế có nghĩa vụ cấp dưỡng và nuôi dưỡng./.